

Số: 08 /QĐ-TTĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học”;

Căn cứ Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên”;

Căn cứ vào kết quả kỳ kiểm tra Chứng chỉ tiếng Anh trình độ B tổ chức ngày 18 tháng 12 năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận cho 208 học viên đã đạt kỳ kiểm tra Chứng chỉ tiếng Anh Quốc gia tiếng Anh trình độ B tổ chức ngày 18/12/2016 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có tên ghi nơi điều 1 được nhận Chứng chỉ Quốc gia tiếng Anh trình độ B và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng và các học viên có tên ghi nơi điều 1 căn cứ quyết định thi hành./ *ndk*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTĐTTLT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐẠT CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B - Kỳ kiểm tra: 18/12/2016
(Kèm theo Quyết định số ...08.../QĐ-LTT ngày...04.../...01.../2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP. HCM về việc cấp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B)

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
1	BK080003	14D2050002	Nguyễn Văn	An	10/10/1996	Bình Định	14CD-OT01	5,0	Trung bình
2	BK080004	13D2010002	Bùi Thiên	Ân	28/07/1995	TP.Hồ Chí Minh	13CD-CK3	6,0	Trung bình
3	BK080005	14D301Đ027	Nguyễn Thanh	Ân	01/01/1995	Bến Tre	14CD-ĐC02	6,5	Trung bình
4	BK080006	12D2010005	Đỗ Huỳnh Duy	Anh	01/10/1994	Tp.Hồ Chí Minh	12CD-CK1	7,5	Khá
5	BK080007	14D2050047	Lương Quốc	Anh	28/01/1996	Tây Ninh	14CD-OT04	6,0	Trung bình
6	BK080010	14D2050050	Trần Anh	Bằng	06/03/1996	Bình Thuận	14CD-OT02	6,5	Trung bình
7	BK080011	14D301Đ030	Hồ Gia	Bảo	25/05/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐC01	6,5	Trung bình
8	BK080012	13D301Đ009	Võ Thành	Bảo	26/03/1995	Quảng Ngãi	13CD-Đ1	6,0	Trung bình
9	BK080016	14D201P017	Ngô Tấn Minh	Công	18/01/1996	Đồng Nai	14CD-TP01	6,0	Trung bình
10	BK080017	14D2050057	Võ Chí	Công	20/02/1996	Quảng Ngãi	14CD-OT03	6,5	Trung bình
11	BK080018	14D2050061	Lê Văn	Cương	29/02/1996	Quảng Ngãi	14CD-OT03	6,5	Trung bình
12	BK080019	14D2050003	Trần Minh	Cường	23/05/1996	Bình Định	14CD-OT01	5,5	Trung bình
13	BK080020	13D2010029	Nguyễn Phương	Đài	22/11/1995		14CD-CK01	6,0	Trung bình
14	BK080021		Võ Đình	Đăng	20/12/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐC02	5,5	Trung bình
15	BK080022	14D2050073	Đỗ Văn	Đạo	14/04/1995	Đắk Lắk	14CD-OT03	5,5	Trung bình
16	BK080023	13D2010031	Cao Nguyễn Mẫn	Đạt	24/08/1995		14CD-CK03	6,5	Trung bình
17	BK080024	14D3010003	Nguyễn Quốc	Đạt	06/07/1994	Quảng Ngãi	14CD-ĐT01	6,0	Trung bình
18	BK080026	14D201M015	Phạm Thành	Đạt	27/02/1995	Bình Định	14CD-TM01	5,5	Trung bình

Handwritten signature

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
19	BK080027	14D301Đ039	Trần Văn	Đạt	10/11/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐC02	5,5	Trung bình
20	BK080028	14D2010038	Trương Công	Đạt	27/01/1996	Bình Thuận	14CD-CK03	5,5	Trung bình
21	BK080029	14D2010039	Vũ Quốc	Đạt	28/07/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK01	5,5	Trung bình
22	BK080030	14D2040011	Nguyễn Thị Phương	Điểm	27/10/1995	Đồng Nai	14CD-MT01	5,5	Trung bình
23	BK080031	14D2050295	Hồ Quốc	Đinh	12/03/1996	Lâm Đồng	14CD-OT02	5,0	Trung bình
24	BK080032	14D301Đ103	Vũ Văn	Độ	20/01/1996	Cà Mau	14CD-ĐC02	5,5	Trung bình
25	BK080033	14D2010041	Nguyễn Thành	Đồng	07/11/1996	An Giang	14CD-CK03	5,0	Trung bình
26	BK080034	14D2050082	Nguyễn Tiến	Đồng	04/07/1996	Bình Thuận	14CD-OT02	5,5	Trung bình
27	BK080035	14D301Đ098	Nguyễn Kiều Vũ	Du	07/01/1995	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,0	Trung bình
28	BK080040	14D2010003	Nguyễn Thị Thùy	Dương	05/01/1996	Bắc Giang	14CD-CK01	5,0	Trung bình
29	BK080041	14D201P018	Nguyễn Văn	Dương	12/03/1994	Thanh Hoá	14CD-TP01	5,0	Trung bình
30	BK080042	14D2060008	Trần Đơn	Dương	18/02/1996	Bình Định	14CD-NL01	6,0	Trung bình
31	BK080043	14D2050066	Nguyễn Văn	Dưỡng	25/01/1996	Nam Định	14CD-OT05	6,0	Trung bình
32	BK080044	14D201P019	Lê Thái	Duy	06/11/1995	Ninh Thuận	14CD-TP02	5,5	Trung bình
33	BK080045	14D2050284	Nguyễn Ngọc	Duy	13/06/1996	Bình Thuận	14CD-OT05	6,0	Trung bình
34	BK080047	14D2050071	Trần Đức	Duy	21/01/1996	Đồng Nai	14CD-OT01	6,0	Trung bình
35	BK080048	14D201M017	Lê Văn	Giân	05/06/1996	Quảng Ngãi	14CD-TM01	6,0	Trung bình
36	BK080050	14D2010045	Nguyễn Sỹ	Hải	11/01/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-CK03	5,5	Trung bình
37	BK080051	14D2010005	Phan Giáp	Hải	27/04/1994	Bình Thuận	14CD-CK01	5,5	Trung bình
38	BK080053	14D2060011	Nguyễn Nhật	Hào	06/01/1995	Cần Thơ	14CD-NL01	5,0	Trung bình
39	BK080054	14D201P023	Đỗ Thanh	Hậu	15/10/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-TP02	5,0	Trung bình
40	BK080055	14D2010050	Lê Phúc	Hậu	10/11/1996	Tây Ninh	14CD-CK01	6,0	Trung bình
41	BK080056	14D201P067	Nguyễn Công	Hậu	06/12/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP02	5,0	Trung bình
42	BK080059	14D3010004	Lê Minh	Hiếu	01/05/1996	Thanh Hoá	14CD-ĐT01	5,0	Trung bình
43	BK080065	14D2060013	Võ Hoàng	Hoa	01/01/1996	Trà Vinh	14CD-NL01	5,0	Trung bình
44	BK080067	14D301Đ044	Nguyễn Văn	Hóa	14/04/1996	Long An	14CD-ĐC01	5,0	Trung bình

Handwritten signature

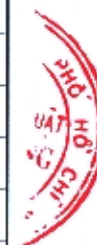
TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
45	BK080068	14D301Đ046	Vũ Thái	Hòa	04/01/1993	Đồng Nai	14CD-ĐC01	5,5	Trung bình
46	BK080069	14D2050016	Lê Minh	Hoàng	25/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT01	6,0	Trung bình
47	BK080070	14D301Đ049	Tạ Linh	Hoạt	11/10/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,0	Trung bình
48	BK080073	14D2050102	Nguyễn Xil	Hual	16/06/1996	Đồng Tháp	14CD-OT02	5,5	Trung bình
49	BK080074	13D2040838	Lê Tiến	Hùng	24/10/1995	Đà Nẵng	12CD-TM1	6,0	Trung bình
50	BK080075	14D2050017	Đào Duy	Hưng	21/09/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT01	6,5	Trung bình
51	BK080076	14D2040017	Lại Thị Tuyết	Hương	11/07/1996	Nam Định	14CD-MT01	6,0	Trung bình
52	BK080077	14D2040018	Nguyễn Thu	Hương	25/07/1996	Hưng Yên	14CD-MT01	6,0	Trung bình
53	BK080078	14D201P027	Nguyễn Trọng	Hữu	20/10/1994	Lâm Đồng	14CD-TP02	5,0	Trung bình
54	BK080079	14D2010067	Đỗ Ngọc	Huy	04/03/1996	Bình Định	14CD-CK01	6,5	Trung bình
55	BK080080	14D2050107	Dương Quốc	Huy	20/10/1994	Bắc Giang	14CD-OT02	6,0	Trung bình
56	BK080081	14D2050265	Hoàng Thiện	Huy	06/01/1996	Long An	14CD-OT01	5,5	Trung bình
57	BK080082	14D2050266	Lâm Sĩ	Huy	01/07/1995	Bến Tre	14CD-OT02	6,0	Trung bình
58	BK080083	14D2050108	Lê Công	Huy	25/12/1993	Đắk Lắk	14CD-OT03	5,5	Trung bình
59	BK080084	14D2010069	Nguyễn Đình	Huy	03/01/1996	Bình Định	14CD-CK03	5,5	Trung bình
60	BK080086	14D2040002	Phạm Thị Mỹ	Huyền	01/12/1996	Quảng Ngãi	14CD-MT01	6,0	Trung bình
61	BK080087	13D201P032	Phạm Điền	Kha	34342	Tiền Giang	13CD-TP2	6,5	Trung bình
62	BK080088	13D2010085	Lê Quốc	Khánh	02/09/1994	Tây Ninh	13CD-CK4	6,0	Trung bình
63	BK080089	14D201P081	Hoàng Thái Xuân	Khôi	11/01/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP02	6,0	Trung bình
64	BK080090	14D201P029	Dương Tuấn	Kiệt	03/06/1996	Hải Phòng	14CD-TP02	6,5	Trung bình
65	BK080091	14D2010077	Phạm Viết	Kiệt	21/02/1996	Lâm Đồng	14CD-CK03	6,0	Trung bình
66	BK080092	14D201M003	Phún Vũ	Kiệt	21/01/1996	Lâm Đồng	14CD-TM01	6,0	Trung bình
67	BK080093	14D2040020	Nguyễn Thị	Lài	20/09/1996	Quảng Nam	14CD-MT01	5,5	Trung bình
68	BK080094	14D2010008	Trần Thanh	Lâm	26/10/1996	Đồng Nai	14CD-CK01	5,0	Trung bình
69	BK080095	14D201P030	Nguyễn An	Lành	01/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP01	6,5	Trung bình
70	BK080096	14D3010050	Đoàn Văn	Linh	01/03/1996	Nam Định	14CD-ĐT01	6,0	Trung bình

Handwritten signature

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
71	BK080097	14D2050127	Lê Minh Vũ	Linh	17/06/1996	Tiền Giang	14CD-OT02	6,0	Trung bình
72	BK080098	13D2050263	Nguyễn Hồng	Linh	23/09/1995		14CD-OT03	7,5	Khá
73	BK080099	14D3010051	Lương Quốc	Lộc	12/10/1995	Bình Phước	14CD-ĐT02	6,5	Trung bình
74	BK080100	14D2060045	Phan Hữu	Lộc	17/02/1996	Bến Tre	14CD-NL01	6,0	Trung bình
75	BK080101	14D2010084	Trần Tấn	Lộc	25/10/1995	Bình Thuận	14CD-CK02	6,5	Trung bình
76	BK080102	14D3010052	Hoàng Văn Thanh	Long	03/09/1996	Bình Thuận	14CD-ĐT01	6,0	Trung bình
77	BK080103	14D2010010	Tạ Thanh	Long	08/01/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-CK01	5,5	Trung bình
78	BK080104	13D2010110	Phó Đại	Luôn	30/11/1994		14CD-CK01	5,5	Trung bình
79	BK080105	14D2010087	Nguyễn Huỳnh Công	Lý	07/07/1996	Long An	14CD-CK01	5,0	Trung bình
80	BK080106	14D2040004	Võ Thị Hà	Mi	24/06/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-MT01	7,0	Khá
81	BK080107	14D3010055	Chương Hoàng	Minh	07/03/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-ĐT02	7,0	Khá
82	BK080108	14D2010091	Lê Ngô Nhật	Minh	02/09/1996	Ninh Thuận	14CD-CK01	5,5	Trung bình
83	BK080109	14D3010056	Nguyễn Nhật	Minh	05/06/1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-ĐT01	5,5	Trung bình
84	BK080110	14D2050027	Nguyễn Tuấn	Minh	06/08/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT01	6,0	Trung bình
85	BK080111	13D201P108	Phạm Hoàng	Minh	25/04/1994	Bình Thuận	13CD-TP1	5,5	Trung bình
86	BK080112	13D2010120	Bế Ngọc Hoàng	Nam	29/03/1995	TP.Hồ Chí Minh	13CD-CK3	5,5	Trung bình
87	BK080113	14D2010093	Nguyễn Hải	Nam	20/06/1996	Bình Thuận	14CD-CK03	5,5	Trung bình
88	BK080114	14D2050138	Nguyễn Hữu	Năm	07/07/1995	Bình Thuận	14CD-OT03	6,5	Trung bình
89	BK080115	14D2050029	Nguyễn Đỗ Trọng	Nghĩa	09/07/1996	Đồng Nai	14CD-OT01	6,5	Trung bình
90	BK080116	14D2050142	Nguyễn Hữu	Nghĩa	05/02/1996	Long An	14CD-OT02	6,0	Trung bình
91	BK080117	14D2010095	Nguyễn Trọng	Nghĩa	29/03/1996	Bình Thuận	14CD-CK01	6,5	Trung bình
92	BK080118	14D2040023	Lê Thị Bích	Ngoan	06/05/1996	Quảng Ngãi	14CD-MT01	6,0	Trung bình
93	BK080119	14D2050280	Nguyễn Thái	Nguyên	31/10/1996	Ninh Thuận	14CD-OT02	5,5	Trung bình
94	BK080120	14D2010097	Bùi Thị	Nguyệt	21/09/1995	Hà Tĩnh	14CD-CK01	5,5	Trung bình
95	BK080124	14D2010012	Nguyễn Trọng	Nhân	12/02/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK01	5,0	Trung bình
96	BK080125	14D2050152	Phạm Minh	Nhật	16/10/1996	Đồng Nai	14CD-OT02	6,0	Trung bình

Nhà

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
97	BK080126	14D2040006	Võ Thị Hồng	Nhiên	09/03/1995	Đồng Tháp	14CD-MT01	5,0	Trung bình
98	BK080127	14D3010009	Lê Văn	Nhỏ	24/02/1996	Bình Phước	14CD-ĐT01	6,5	Trung bình
99	BK080128	14D3010066	Đặng Minh	Nhựt	20/10/1995	Tiền Giang	14CD-ĐT02	6,5	Trung bình
100	BK080131	14D3010010	Dương Văn	Phát	01/10/1996	Bình Định	14CD-ĐT01	6,5	Trung bình
101	BK080132	13D201P074	Lâm Nhật	Phát	15/03/1995		14CD-TP02	7,0	Khá
102	BK080133	14D2050031	Lưu Tấn	Phát	20/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT01	6,5	Trung bình
103	BK080134	14D2060021	Phạm Nguyễn Tấn	Phát	19/01/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-NL01	7,0	Khá
104	BK080135	14D2050157	Trần Văn	Phát	13/03/1996	Đồng Nai	14CD-OT02	5,5	Trung bình
105	BK080136	14D2010107	Trương Mạnh	Phi	05/09/1996	Tây Ninh	14CD-CK01	6,5	Trung bình
106	BK080137	14D301Đ063	Bùi Quốc	Phong	21/01/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,5	Trung bình
107	BK080138	14D2060023	Nguyễn Phong	Phú	10/04/1995	Vĩnh Long	14CD-NL01	7,5	Khá
108	BK080139	14D2010110	Trần Tân	Phú	20/06/1995	Đồng Nai	14CD-CK02	5,5	Trung bình
109	BK080140	13D201P057	Huỳnh Ngọc Hoàng	Phúc	12/11/1994	Long An	13CD-TP1	6,0	Trung bình
110	BK080141	14D2050163	Lê Minh	Phúc	08/11/1996	Tiền Giang	14CD-OT03	6,5	Trung bình
111	BK080142	14D301Đ066	Nguyễn Hữu	Phúc	08/04/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-ĐC01	6,0	Trung bình
112	BK080143	14D3010068	Nguyễn Trần Thanh	Phúc	10/07/1995	Ninh Thuận	14CD-ĐT01	6,0	Trung bình
113	BK080144	12D3010096	Phạm Minh	Phúc	13/07/1994		14CD-ĐT01	6,0	Trung bình
114	BK080145	14D3010069	Hồ Duy	Phước	01/06/1995	Quảng Ngãi	14CD-ĐT02	6,5	Trung bình
115	BK080146	13D3010194	Võ Duy	Phước	05/03/1995	Gia Lai	13CD-ĐT2	5,5	Trung bình
116	BK080147	14D2060024	Phạm Đình	Phương	08/03/1995	Đồng Nai	14CD-NL01	6,5	Trung bình
117	BK080148	14D2010113	Mai Nguyễn Anh	Quân	26/02/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK03	5,0	Trung bình
118	BK080149	14D2010017	Lê Văn	Sang	22/10/1996	Đồng Nai	14CD-CK01	5,5	Trung bình
119	BK080150	14D3010074	Lê Văn	Sang	02/01/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐT01	6,0	Trung bình
120	BK080151	14D2010119	Nguyễn Đoàn	Sang	02/08/1996	Bình Định	14CD-CK02	6,0	Trung bình
121	BK080152	14D301Đ069	Nguyễn Đức	Sang	15/10/1996	Bình Định	14CD-ĐC02	5,5	Trung bình
122	BK080154	13D3010103	Trần Quang	Sáng	05/12/1995	Tây Ninh	13CD-ĐT2	6,0	Trung bình



Handwritten signature

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
123	BK080155	14D301Đ012	Nguyễn Văn	Sinh	11/11/1996	Hà Tĩnh	14CD-ĐC01	7,5	Khá
124	BK080156	14D3010077	Huỳnh Băng	Sơn	28/11/1995	Tây Ninh	14CD-ĐT01	7,0	Khá
125	BK080157	14D2050036	Lê Nguyễn Thanh	Sơn	21/12/1996	Phú Yên	14CD-OT01	7,0	Khá
126	BK080159	14D201P046	Trần Thị Thu	Tâm	16/03/1994	Đồng Nai	14CD-TP02	7,0	Khá
127	BK080160	14D2050038	Lưu Nhật	Tân	13/06/1996	Lâm Đồng	14CD-OT01	5,0	Trung bình
128	BK080165	14D2010018	Dương Quốc	Thắng	11/11/1996	Khánh Hoà	14CD-CK01	5,0	Trung bình
129	BK080170	14D2060028	Đỗ Bá	Thành	18/08/1995	Tiền Giang	14CD-NL01	5,0	Trung bình
130	BK080173	14D2050286	Phạm Nguyễn Huy	Thành	11/02/1992	Khánh Hoà	14CD-OT03	6,0	Trung bình
131	BK080174	14D2040036	Ngô Thị Thu	Thảo	22/02/1996	Đồng Nai	14CD-MT01	5,5	Trung bình
132	BK080176	14D2010131	Phạm Mạnh	Thi	03/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK02	5,5	Trung bình
133	BK080177	14D2010132	Huỳnh Công	Thiện	26/11/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK03	5,0	Trung bình
134	BK080178	14D2050278	Nguyễn Xuân	Thiện	06/02/1994	Đắk Lắk	14CD-OT01	5,5	Trung bình
135	BK080180	14D2010135	Trần Vinh	Thịnh	12/05/1996	Quảng Nam	14CD-CK03	5,5	Trung bình
136	BK080181	14D3010086	Võ Thành	Thôi	25/02/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐT01	5,5	Trung bình
137	BK080182	14D2040034	Đỗ Thị Mộng	Thu	28/09/1996	Đồng Nai	14CD-MT01	6,0	Trung bình
138	BK080183	14D2040029	Lâm Anh	Thư	06/04/1996	Bến Tre	14CD-MT01	6,5	Trung bình
139	BK080184	14D2060029	Bùi Văn	Thuận	06/06/1996	Bình Định	14CD-NL01	5,0	Trung bình
140	BK080185	13D2010210	Đào Minh	Thuận	07/04/1994		13CD-CK3	5,5	Trung bình
141	BK080187	14D201P051	Huỳnh Châu Minh	Thuận	25/09/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP02	7,5	Khá
142	BK080188	14D2010139	Lê Hiệp	Thuận	10/02/1991	Quảng Ngãi	14CD-CK03	5,5	Trung bình
143	BK080189	14D301Đ016	Huỳnh Hữu	Thức	18/08/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC01	5,0	Trung bình
144	BK080190	14D3010089	Nguyễn Minh	Thương	25/11/1995	Bến Tre	14CD-ĐT02	5,5	Trung bình
145	BK080191	13D2010213	Phạm Văn	Thủy	12/01/1995	Long Hà, Bình Phước	13CD-CK1	5,0	Trung bình
146	BK080192	14D2010141	Võ Duy Thái	Thụy	14/09/1996	Bến Tre	14CD-CK03	6,0	Trung bình
147	BK080193	14D2040030	Lê Thị Cẩm	Tiên	15/06/1996	Long An	14CD-MT01	6,0	Trung bình
148	BK080195	14D2050211	Vũ Đức	Tiến	12/09/1996	Đồng Nai	14CD-OT02	5,0	Trung bình

Handwritten signature

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
149	BK080196	14D2050207	Trần Hữu	Tiền	20/10/1996	Bình Định	14CD-OT02	5,0	Trung bình
150	BK080198	14D2010144	Lê Trung	Tín	23/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-CK03	5,0	Trung bình
151	BK080199	13D201P089	Nguyễn Văn	Tín	29/01/1995		13CD-TP2	6,0	Trung bình
152	BK080200	14D2010146	Võ Trung	Tín	30/11/1996	Tiền Giang	14CD-CK02	6,5	Trung bình
153	BK080201	14D2010147	Đặng Ngọc	Tinh	30/01/1996	Bình Thuận	14CD-CK03	8,0	Giỏi
154	BK080202	13D2050218	Nguyễn Lê Phước	Toàn	34859	TP. Hồ Chí Minh	13CD-Ô3	8,5	Giỏi
155	BK080203	14D3010012	Nguyễn Văn	Toàn	06/06/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐT01	7,5	Khá
156	BK080204	14D2010148	Trần Minh	Toàn	27/03/1995	Quảng Ngãi	14CD-CK03	7,0	Khá
157	BK080205	14D2050218	Trương Ngọc	Toàn	06/12/1994	Lâm Đồng	14CD-OT03	6,0	Trung bình
158	BK080206	14D2010149	Nguyễn Văn	Tối	10/05/1996	Bình Định	14CD-CK02	6,5	Trung bình
159	BK080207	14D301Đ082	Hà Minh	Trí	23/10/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,0	Trung bình
160	BK080208	14D301Đ083	Nguyễn Huỳnh	Triết	11/04/1996	Tiền Giang	14CD-ĐC02	7,0	Khá
161	BK080209	14D2010154	Nguyễn Hùng	Triều	20/11/1996	Đồng Nai	14CD-CK02	6,5	Trung bình
162	BK080210	14D2010152	Lộ Tiểu Bình	Triệu	20/10/1996	Ninh Thuận	14CD-CK02	7,5	Khá
163	BK080211	14D2040037	Trần Thị Diễm	Trinh	25/09/1995	Đồng Nai	14CD-MT01	7,5	Khá
164	BK080212	14D2010156	Huỳnh Kim	Trọng	10/02/1996	Đắk Lắk	14CD-CK03	8,0	Giỏi
165	BK080213	14D201P054	Nguyễn Hữu	Trọng	02/04/1996	Tiền Giang	14CD-TP01	7,0	Khá
166	BK080214	14D2050226	Trần Hoài	Trọng	12/07/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-OT04	7,5	Khá
167	BK080215	14D301Đ085	Phùng Minh	Trụ	29/04/1996	Quảng Ngãi	14CD-ĐC02	7,0	Khá
168	BK080216	14D2050227	Bùi Vĩnh	Trực	03/12/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-OT02	7,0	Khá
169	BK080217	14D301Đ018	Đặng Thành	Trung	26/02/1996	Bình Định	14CD-ĐC01	6,5	Trung bình
170	BK080218	14D2010157	Mai Thanh	Trung	02/08/1996	Bình Định	14CD-CK03	6,5	Trung bình
171	BK080219	13D2050228	Nguyễn Minh	Trung	03/11/1995		13CD-Ô3	7,0	Khá
172	BK080220	14D2060002	Nguyễn Minh	Trung	22/08/1996	Cần Thơ	14CD-NL01	7,5	Khá
173	BK080221	14D2010159	Vũ Thành	Trung	16/08/1996	Lâm Đồng	14CD-CK03	7,5	Khá
174	BK080222	14D301Đ086	Võ Văn	Trung	01/06/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	7,0	Khá

Nhà

TT	Số báo danh	MSHS-SV	Họ tên thí sinh		Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Kết quả	Xếp loại
175	BK080223	14D301Đ020	Hồ Viết	Trường	05/08/1994	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-ĐC01	6,5	Trung bình
176	BK080224	14D2050231	Nguyễn Nhật	Trường	17/06/1996	Tiền Giang	14CD-OT02	6,0	Trung bình
177	BK080225	14D3010013	Trần Công	Trường	13/03/1996	Long An	14CD-ĐT01	7,0	Khá
178	BK080226	14D3010118	Đỗ Nguyễn Cao Anh	Tú	16/04/1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	14CD-ĐT01	6,5	Trung bình
179	BK080227	14D2050233	Lê Đình	Tú	02/04/1996	Bình Thuận	14CD-OT03	6,5	Trung bình
180	BK080228	14D2060038	Nguyễn Lê Anh	Tú	22/04/1996	Đồng Nai	14CD-NL01	7,0	Khá
181	BK080229	14D301Đ087	Phan Văn	Tú	20/10/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	7,0	Khá
182	BK080230	14D2010021	Ngô Huỳnh Minh	Tự	03/01/1996	Đồng Nai	14CD-CK01	6,5	Trung bình
183	BK080231	14D201P058	Nguyễn Ngọc	Tuấn	20/08/1996	Bình Định	14CD-TP01	7,5	Khá
184	BK080232	14D301Đ112	Đàm Việt	Tuấn	25/11/1995	Đắk Lắk	14CD-ĐC02	6,5	Trung bình
185	BK080233	14D2010161	Đỗ Đức Anh	Tuấn	12/04/1996	Lâm Đồng	14CD-CK02	7,0	Khá
186	BK080234	14D3010120	Lê Văn	Tuấn	01/01/1996	Đồng Tháp	14CD-ĐT02	7,5	Khá
187	BK080235	14D2010162	Nguyễn Anh	Tuấn	10/11/1996	Bình Thuận	14CD-CK03	7,0	Khá
188	BK080237	14D2010165	Trần Quốc	Tuấn	27/12/1994	Bình Thuận	14CD-CK03	7,0	Khá
189	BK080238	14D2050241	Lê Hoàng Thanh	Tùng	02/05/1995	Đồng Nai	14CD-OT02	6,5	Trung bình
190	BK080239	14D2050243	Phan Thanh	Tùng	19/11/1996	Đắk Lắk	14CD-OT03	6,5	Trung bình
191	BK080240	14D301Đ089	Võ Thanh	Tùng	18/10/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,0	Trung bình
192	BK080242	14D301Đ091	Hồ Hữu	Vân	08/05/1995	Bình Thuận	14CD-ĐC02	5,0	Trung bình
193	BK080244	13D2010254	Nguyễn Tấn	Viên	14/08/1995	Bình Sơn, Quảng Ngãi	13CD-CK2	5,5	Trung bình
194	BK080245		Trần Tuấn	Viên	22/05/1995		13CD-Đ3	5,5	Trung bình
195	BK080247	14D301Đ092	Nguyễn Mạnh Thanh	Vinh	16/12/1996	Bình Thuận	14CD-ĐC02	6,5	Trung bình
196	BK080249	13D2010260	Từ Quang	Vinh	27/07/1995	TP. Hồ Chí Minh	13CD-CK3	5,5	Trung bình
197	BK080250	14D301Đ093	Trương Lâm	Vinh	22/10/1996	Trà Vinh	14CD-ĐC02	5,0	Trung bình
198	BK080251	13D2050258	Đỗ Hoàng Minh	Vũ	27/11/1995	TP. Hồ Chí Minh	13CD-Ô3	5,0	Trung bình
199	BK080252	14D201P062	Lê Đình Nhật	Vũ	21/03/1995	Tp. Hồ Chí Minh	14CD-TP02	6,5	Trung bình
200	BK080254	14D2040031	Lê Thị Kim	Vui	06/01/1996	Đồng Nai	14CD-MT01	5,0	Trung bình